TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 6 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Bình
2. Ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Thạch Săm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 2 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B trình bày: Bà và ông Trần Văn T có xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 29 tháng 12 năm 2003. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau nguyên nhân do ông T không quan tâm lo lắng cho vợ con, ông T hay đi nhậu về kiếm chuyện chửi mắn, đánh đập bà, bà và ông T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Giữa bà và ông T có hai người con chung Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 21/9/2006 và Trần Thị Hồng U sinh năm 1997 đã trưởng thành. Nay bà xét thấy

không còn tình cảm với ông T, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 21/9/2006 hiện đang sống với bà, bà yêu cần được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Trần Văn T vắng mặt nên không có lời khai.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2019, cháu Trần Thị Ngọc M có ý kiến: Nếu bà Nguyễn Thị Thu B và ông Trần Văn T ly hôn thì nguyện vọng của cháu là sống chung với bà Nguyễn Thị Thu B.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn thì không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, đến nay là lần xét xử thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng giữa Bà B và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, tại phiên tòa Bà B kiên quyết ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử cho Bà B với ông T ly hôn. Về con chung, hiện nay cháu Trần Thị Ngọc M đang sống với Bà B, cháu M cũng có nguyện vọng được sống với Bà B nên giao cháu M cho Bà B được tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, ngoài ra Vị kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Trần Văn T theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Thu B và ông Trần Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn vào ngày 29

tháng 12 năm 2003 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của Bà B, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của Bà B cũng như quá trình xác minh của Tòa án, xét thấy giữa Bà B và ông T có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cải nhau, hiện nay hai người không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; hơn nữa tại phiên tòa hôm nay Bà B kiên quyết ly hôn với ông T, không chịu hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho Bà B được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Trần Thị Ngọc M đang sống chung với Bà B, nguyện vọng của cháu M cũng muốn được sống với Bà B nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho Bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà B khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của Vị kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu B.
- Cho bà Nguyễn Thị Thu B ly hôn với ông Trần Văn T.
- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 21/9/2006 cho bà Nguyễn Thị Thu B được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét

xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà B khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thu B phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà B đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0019750 ngày 11/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữa Bình **Trần Quốc Tuấn** **Đặng Văn Hùng**